

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 147/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04.8.2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

- Thư ký phiên Tòa: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST.HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HN ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Mai T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Bị đơn:** Anh Trần Kim D, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Mai T trình bày:* Chị và anh Trần Kim D tổ chức lễ cưới vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, trước khi cưới vợ chồng tìm hiểu khoảng 03 tháng và kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà chồng ở N, vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D thường xuyên nhậu nhẹt rồi về kể chuyện kinh cái với chị, ngoài ra anh D còn không lo đi làm kiếm tiền nuôi con mà suốt ngày uống rượu say xỉn, chị nhiều lần khuyên nhưng anh Diễm không nghe mà ngày càng uống rượu nhiều hơn nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy

ra cãi vã. Đến tháng 5/2019 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn kinh cãi thì chị quyết định bỏ về nhà mẹ ruột ở N sống. Từ khi chị bỏ về nhà mẹ ruột sống anh D cũng có đến nhà thuyết phục chị về chung sống nhưng lúc nào đến cũng trong tình trạng say xỉn nên vợ chồng nói chuyện được vài câu lại to tiếng cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Trần Kim D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 người con chung tên Trần Lê Nhật H sinh ngày 04.3.2009 và Trần Lê Bảo N sinh ngày 06.6.2014, hiện cháu H đang ở với anh D, còn cháu N đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu nuôi hai người con, chị rút yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai và các thụ tụng tố tụng tiếp theo bị đơn anh Trần Kim D trình bày:* Anh thống nhất như chị T trình bày về thời gian cưới, đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh ở N, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng kinh cãi nhau chuyện lật vặt, chị T đòi về nhà cha mẹ ruột ở nên anh chớ về trả cho nhà ngoại. Sau đó anh và gia đình có lên thuyết phục chị T về chung sống nhưng chị T không chấp nhận, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung tên Trần Lê Nhật H, sinh năm 2009 và Trần Lê Bảo N, sinh năm 2014, hiện tại cháu H đang ở với anh, còn cháu N ở với T. Ly hôn anh yêu cầu nuôi hai người con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mai T và anh Trần Kim D

- Về con chung: Giao 02 cháu Trần Lê Nhật H và Trần Lê Bảo N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Kim D.

- Về tài sản chung: miễn xét

- Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị Mai T khởi kiện xin ly hôn anh Trần Kim D có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định theo quy định Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[1.2] Bị đơn anh Trần Kim D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Lê Thị Mai T và anh Trần Kim D có thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau, được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng giữa hai anh chị lại không thể hàn gắn, giải quyết, từ đó dẫn đến việc sống ly thân. Trong quá trình làm việc, hòa giải, chị T và anh D cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị T, anh D thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện và phù hợp với thực tế mâu thuẫn, sống ly thân nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mai T và anh Trần Kim D.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh D cùng xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Lê Nhật H (sinh ngày 04.3.2009) và Trần Lê Bảo N (sinh ngày 06.6.2014), chị T, anh D cùng có yêu cầu nuôi hai người con. Xét yêu cầu của chị T anh D và nguyện vọng của Trần Lê Nhật H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh D làm nghề bốc vác nên thu nhập bấp bênh, bản thân anh thường xuyên uống rượu nên không đủ điều kiện để chăm sóc cho hai người con. Hơn nữa cháu Trần Lê Nhật H có nguyện vọng tha thiết được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo việc chăm sóc tốt và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của các cháu cũng như môi trường sống của các cháu ổn định nên giao hai người con Trần Lê Nhật H và Trần Lê Bảo N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp. Tại phiên tòa, chị T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Mai T phải nộp án phí.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mai T và anh Trần Kim D.

2/ Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao 02 người con tên Trần Lê Nhật H (sinh ngày 04.3.2009) và Trần Lê Bảo N (sinh ngày 06.6.2014) cho chị Lê Thị Mai T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

3/ Buộc anh Trần Kim D có trách nhiệm giao người con tên Trần Lê Nhật H (sinh ngày 04.3.2009) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, chị T, anh D có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4/ Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do chị T rút yêu cầu

5/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu giải quyết

6/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Mai T phải nộp 300.000đ án phí được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004976 ngày 15.5.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn

7/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ